

Bản án số: 22/2019/DS-PT
Ngày: 23- 9 - 2019
V/v Đòi lại quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu

Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2019/TLPT-TC ngày 06/5/2019 về việc “Đòi lại quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1159/2019/QĐ-PT ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tường Thị Q, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Đàm V, sinh năm 1969 và chị Đặng Thị L, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đàm V: Luật sư Bùi Công Th, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: 64 đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

3. *Người làm chứng:*

- Anh Đàm Xuân T, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Anh Đàm Văn V1, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Tường Thị Q trình bày: Chị và anh Đàm Xuân B kết hôn với nhau vào tháng 6 năm 1989. Nguồn gốc diện tích đất hiện đang tranh chấp là do bố chồng chị là ông Đàm D cho vợ chồng chị năm 1989. Tháng 10/1989 ông D chết. Sau khi được bố cho đất thì năm 1990 vợ chồng chị làm nhà để ở. Anh B chết năm 1991. Ngày 06/10/1994, UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên có diện tích 300m² số thửa 762 tại tờ bản đồ số 06 ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 1997, do điều kiện hoàn cảnh, chị đi làm ăn xa, ở nhà anh Đàm Xuân T và anh Đàm V, chị Đặng Thị L tháo dỡ nhà cất giữ. Sau đó chị có trao đổi, bàn bạc với nguyện vọng được làm nhà ở và sử dụng đất trồng rau màu thì anh T, vợ chồng anh V, chị L ngăn cản không cho. Chị đã báo với chính quyền Ủy ban nhân dân xã Q giải quyết nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q cũng trình bày nhiều lần chị có trao đổi với anh V và anh T về việc bán lại thửa đất để chữa bệnh cho con là cháu Đàm Thị Lệ V. Vợ chồng anh V nhất trí mua đất sau đó từ chối không mua nữa vì cho rằng đó là đất của vợ chồng anh V. Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án sơ thẩm vợ chồng anh V có đến nhà chị thoả thuận mua đất nhưng chị không đồng ý. Hiện tại thửa đất của chị đã bị vợ chồng anh V, chị L sử dụng trồng cây, xây tường rào nên chị yêu cầu toà án giải quyết buộc anh V, chị L phải trả toàn bộ diện tích đất đã chiếm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị.

Phía bị đơn anh Đàm V, trình bày: Vào năm 1987 mẹ anh là Đàm Thị H chết, năm 1988 bố anh là ông Đàm D chết. Vợ chồng anh B, chị Q cưới nhau năm 1989 nên không có việc bố anh cho vợ chồng chị Q đất. Trước khi chết, bố anh giao toàn bộ cho anh 01 ngôi nhà làm trên diện tích đất 970m². Khi giao lại nhà và đất bố anh có viết giấy nhưng do lâu ngày anh để bị thất lạc. Năm 1991, chị Q sinh con nhưng đã bồng con về nhà mẹ đẻ sau đó bỏ chồng đi lấy chồng khác. Anh B chết năm 1991 nên vào năm 1992, anh V với anh Đàm Xuân T dỡ ngôi nhà của anh B, chị Q xếp lại cất giữ. Đến năm 2003, vợ chồng anh đi vào miền Nam làm ăn nên có nhờ anh T trông coi nhà và cùng năm này em trai là Đàm Văn V1 đã mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn. Đến năm 2013, vợ chồng anh quay về lấy sổ đỏ để cấp đổi sang sổ hồng. Khi nhận sổ hồng và vay vốn tại ngân hàng do không để ý nên anh không biết mình bị thiếu đất mà đến khi chị Q khởi kiện thì anh mới biết mình bị thiếu đất. Theo sổ hồng diện tích đất của anh còn lại là 511,2m², tại thửa số 988, tờ bản đồ số 45. Hiện tại gia đình anh đang sử dụng toàn bộ diện tích đất 970m² theo trích lục bản đồ cũ của xã Q. Anh V công nhận đối với diện tích đất hiện tại gia đình anh sử dụng có phần đất của anh trai là anh B, nếu phân chia thừa kế thì anh đã chết nay để lại cho cháu V (con anh B). Anh rào lại đất là để giữ cho cháu V và nếu có cho đất thì anh em gia đình anh cất đất cho cháu. Vì vậy, anh không đồng ý với ý kiến của chị Q vì gia đình anh không chiếm đất mà diện tích đất đó là của gia đình anh. Anh yêu cầu toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Đặng Thị L thống nhất như ý kiến của anh Đàm V. Tại phiên tòa sơ thẩm chị L cũng thừa nhận sau khi hoà giải Toà án phân tích thì vợ chồng anh chị có đến nhà chị Q trao đổi việc mua lại thửa đất này nhưng chị Q không đồng ý bán.

Ý kiến của anh Đàm Xuân T và anh Đàm Văn V1 cho biết: Sau khi anh B lấy chị Q thì được làm nhà trên đất của bố mẹ, tháng 5/1991 anh B chết thì chị Q vẫn ở lại ngôi nhà đó khoảng hơn một năm mới bùng con về nhà mẹ đẻ ở. Anh Th có yêu cầu chị Q về ở nhưng chị Q không về. Gia đình có bàn bạc tháo dỡ nhà, xếp lại, gỗ chị Q đã bán lấy tiền. Sau này chị Q về ở nhưng gia đình không đồng ý. Diện tích đất chị Q và anh V đang tranh chấp là bố mẹ và anh em trong gia đình chưa cho. Anh T đề nghị Toà án giải quyết việc tranh chấp này theo quy định của pháp luật. Anh T, anh V1 không có nhu cầu đòi chia đất.

Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166,202,203 Luật Đất đai 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tường Thị Q về việc yêu cầu anh Đàm V, chị Đặng Thị L phải trả lại diện tích đất đã chiếm; Buộc anh Đàm V, chị Đặng Thị L phải trả lại diện tích đất 495.1m² thuộc quyền sử dụng của chị Tường Thị Q tại thửa đất số 997, tờ bản đồ số 45 thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có tứ cạnh được xác định;

- Phía Đông tiếp giáp đường giao thông nội bộ thôn có chiều dài 15.48m;
- Phía Tây tiếp giáp đất của gia đình ông Đàm Công P có chiều dài 14.69m;
- Phía Nam tiếp giáp đất của gia đình ông Giã H, bà Đàm Thị L có chiều dài 32.95m;
- Phía Bắc tiếp giáp đất của gia đình anh Đàm V, chị Đặng Thị L có chiều dài 32.78m.

Buộc anh Đàm V và chị Đặng Thị L phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường rào cạnh phía Đông tiếp giáp đường giao thông nội thôn đã xây dựng bằng bê tông trên diện tích đất của chị Tường Thị Q có chiều dài là 15.48m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/3/2019 anh Đàm V làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xử trả lại cho gia đình anh 495,8m² đất vì do UBND xã Q và UBND huyện Q lấy đất của gia đình anh cấp cho chị Tường Thị Q không đúng quy định của luật đất đai; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Tường Thị Q vì UBND xã Q và UBND huyện Q làm thủ tục cấp đất cho chị Q không đúng quy định luật đất đai. Đề nghị giám định chữ ký tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 01/4/2015 ghi tên anh Đàm V vì không đúng chữ ký của anh Đàm V.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Tường Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh V trả lại đúng diện tích 300m² đất UBND huyện Quảng Trạch đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho chị năm 1994. Anh

Đàm V và chị Đặng Thị L giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Luật sư bảo V quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Thừa đất tranh chấp là của bố mẹ anh V để lại. Theo trích lục bản đồ năm 1997 thì thửa 998 có diện tích 970m² nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 498m². Trong việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh V năm 2015 cũng không đúng trình tự thủ tục vì anh V không kí vào đơn xin cấp đổi. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án của cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị huỷ án sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại 300m² đất theo giấy chứng nhận cấp năm 1994 nhưng cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải trả lại diện tích 495,1m² là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; Thứ hai theo kết quả thẩm định thì không xác định được ranh giới cụ thể giữa hai thửa đất nhưng Toà cấp sơ thẩm tuyên tứ cận diện tích đất 495,1m² là không có căn cứ.

Tại phiên toà ngày 30/7/2019, Hội đồng xét xử quyết định ngừng phiên toà để tiến hành xem xét thẩm định lại thửa đất có tranh chấp đồng thời gửi công văn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Quảng Trạch cung cấp thêm chứng cứ về hồ sơ cấp đất cho anh V, chị Q năm 1994 và làm rõ một số vấn đề về việc trích đo, chỉnh lý bản đồ năm 2015. Tuy nhiên, Toà cấp phúc thẩm không nhận được phúc đáp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Trạch.

Ngày 12/9/2019, Hội đồng xét xử tiến hành thẩm định lại thửa đất anh V, chị Q. Chị Q không xác định được ranh giới thửa đất của chị với đất anh V vì theo chị Q hàng cây ranh giới hai thửa đất đã bị chặt từ lâu. Tổng diện tích hai thửa đất 1.023,8m²; Mặt tiền hướng Đông giáp đường xóm có chiều dài 29,9m, có đoạn tường hướng Đông Bắc xiên có chiều dài 2,55m. Hướng Tây giáp nhà ông P, nhà ông P có chiều dài 30,3m; Hướng Nam giáp nhà ông Giã H có chiều dài 32,66m + 0,7m. Hướng Bắc giáp đường xóm có chiều dài 31,15m. Thửa đất chị Q ở hướng Nam, đất anh V ở hướng Bắc. Bao bọc xung quanh hai thửa đất là hàng rào anh V xây, riêng hàng rào phía Nam tiếp giáp nhà ông Giã H theo anh V trình bày là do ông H và anh V xây chung có chiều cao 1,3m.

Theo kết quả tính toán của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thì thửa đất chị Q theo giấy chứng nhận cấp năm 1994 với diện tích 300m² có mặt tiền hướng Đông (giáp đường xóm) kích thước 9,05m (tính từ Nam qua Bắc); Chiều sâu hướng nam có kích thước 32,66m (tiếp giáp đất ông Giã H); mặt hậu hướng Tây (giáp đất ông P) có kích thước 9,03m (tính từ Nam qua Bắc) và cạnh phía Bắc tiếp giáp đất anh V có kích thước 33,07m.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định thụ lý giải quyết đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét các nội kháng cáo của anh Đàm V:

[2.1]. Đối với yêu cầu kháng cáo buộc chị Q trả lại cho gia đình anh 495,8m² đất vì UBND xã Q và UBND huyện Q lấy đất của gia đình anh cấp cho chị Tường Thị Q là không đúng quy định của luật đất đai, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc đất mà chị Q, anh V sử dụng được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận trước đó ông Đàm D bố của anh B, anh V, anh V1, anh T sử dụng. Sau khi chị Q kết hôn với anh B năm 1989 thì ra ở riêng, làm nhà trên thửa đất đang tranh chấp. Năm 1991 anh B chết. Ngày 06/10/1994 chị Tường Thị Q đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 762, tờ bản đồ số 6, diện tích 300m² tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nay là thửa số 997, tờ bản đồ số 45, diện tích 495,1m². Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Quảng Trạch thể hiện tại hồ sơ lưu trữ cùng thời điểm chị Tường Thị Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, anh Đàm V cũng được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 472, tờ bản đồ số 6 diện tích 485m² ngày 06/10/1994. Anh V cho rằng, ông Đàm D cho anh toàn bộ diện tích đất (gồm đất chị Q và đất anh V), có giấy tờ viết tay là không có căn cứ bởi lẽ anh không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc tặng cho. Hơn nữa, sau khi chị Q kết hôn với anh Bảo đã làm nhà trên một phần đất trước đó ông Đàm D sử dụng, cả anh V và những người anh em trong gia đình đều biết mà không có sự phản đối việc làm nhà. Năm 1994, khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Q, anh V đều kê khai và được cấp đất cùng thời điểm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh V ghi anh được cấp 498m² anh không có ý kiến gì về diện tích đất được giao. Anh cho rằng diện tích anh theo trích lục bản đồ năm 1997 là 970m², nhưng nếu như vậy thì cũng theo trích lục bản đồ năm 1997 chị Q cũng đồng thời có tên trên bản đồ địa chính với diện tích 300m². Qua đó cho thấy, kháng cáo của anh V cho rằng, thửa đất đó chỉ anh được toàn quyền sử dụng là không có căn cứ pháp lý. Theo anh V thì bản đồ cũ của xã Quảng Châu diện tích đất gia đình anh sử dụng là 970 m². Và nếu theo số liệu trên bản đồ địa chính thì tổng thể hai thửa đất anh V, chị Q là 1.270m² trong khi theo kết quả đo đạc thì diện tích tổng thể là 1.023,8m². Từ đó khẳng định việc ghi diện tích các thửa đất theo trích lục bản đồ năm 1997 là không chính xác. Theo dự án đo đạc,

thành lập cơ sở dữ liệu đất đai mới, trên cơ sở đề nghị của hộ gia đình và hồ sơ địa chính, UBND huyện Q đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới ngày 17/8/2015 đối với anh Đàm V và chị Đặng Thị L tại thửa số 998, tờ bản đồ số 45 có diện tích 511,2m² và diện tích đất chị Q là 495m². Tuy nhiên, qua lời khai của các đương sự thì tại thời điểm thực hiện dự án đo đạc, cả chị Q và anh V không có mặt tại địa phương, không tham gia vào việc dẫn đạc, anh V không ký vào đơn xin cấp đổi đất năm 2015 nên kết quả trích đo hai thửa đất làm cơ sở cấp đổi là không chính xác. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị Q chỉ yêu cầu anh V trả lại diện tích 300m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994 bị anh V lấn chiếm nhưng Tòa sơ thẩm xử buộc anh V trả cho chị Q 495m² đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện và căn cứ kết quả dự án đo đạc để tuyên diện tích phải trả là không chính xác. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh V để sửa án sơ thẩm buộc anh V trả lại 300m² đất đã lấn chiếm cho chị Q.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Tường Thị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh Đàm V không có yêu cầu phản tố đề nghị hủy giấy chứng nhận cấp cho chị Q nên không được xem xét ở cấp sơ thẩm. Do đó kháng cáo của anh Đàm V không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm.

[2.3]. Về yêu cầu Trưng cầu giám định chữ ký của anh Đàm V: Ngày 26/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1114/2019/QĐ-TCGD về trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định chữ ký của anh Đàm V tại mục chữ ký của người viết đơn đối với văn bản là “đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi ngày 01/4/2015” và “đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 01/4/2015” so sánh với các mẫu chữ ký của anh Đàm V tại các văn bản do anh Đàm V cung cấp và các mẫu chữ ký của anh Đàm V có tại hồ sơ vụ án. Tại kết luận giám định số 618/PC09 (GD) ngày 05/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình kết luận các chữ ký cần giám định và các chữ ký mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra (chữ ký tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi ngày 01/4/2015 không phải chữ ký của anh Đàm V). Tuy nhiên hội đồng xét xử thấy rằng việc xác định chữ ký của anh Đàm V đúng hay không tại các văn bản nói trên không làm thay đổi bản chất vụ án. Vì trước khi chưa có Đơn đề nghị cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/4/2015 thì ngày 06/10/1994 anh Đàm V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 472, tờ bản đồ số 6 diện tích 485m². Do đó nếu chữ ký tại đơn yêu cầu cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng chữ ký của anh Đàm V thì anh V có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án hành chính để được giải quyết về việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015. Về

hàng rào giữa đất chị Q và đất ông Giã H anh V xây chung với ông Giã Hương, tại phiên tòa anh V không có yêu cầu gì đối với phần tường rào này. Sau này, các bên liên quan có tranh chấp về giá trị phần tường rào này có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo anh V được chấp nhận nên anh Đàm V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Về chi phí giám định: Anh Đàm V nộp tạm ứng chi phí giám định 7.000.000 đồng. Chi phí giám định hết 6.030.000 đồng, trả lại tại phiên tòa cho anh Đàm V 970.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 202, 203 Luật Đất đai 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đàm V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tường Thị Q, xử buộc anh Đàm V, chị Đặng Thị L phải trả lại diện tích đất đã chiếm 300m² thuộc quyền sử dụng của chị Tường Thị Q tại thửa 762, tờ bản đồ số 6, nay là thửa đất số 997, tờ bản đồ số 45 thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có tứ cạnh được xác định;

- Phía Đông tiếp giáp đường giao thông nội bộ thôn có kích thước 9.05m (theo hướng Nam – Bắc);

- Phía Tây tiếp giáp đất của gia đình ông Đàm Công P có kích thước 9.03m;

- Phía Nam tiếp giáp đất của gia đình ông Giã H, bà Đàm Thị L có kích thước 32.66m + 0,7m;

- Phía Bắc tiếp giáp đất của gia đình anh Đàm V, chị Đặng Thị L có kích thước 32.07m.

Buộc anh Đàm V và chị Đặng Thị L phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường rào cạnh phía Đông tiếp giáp đường giao thông nội thôn đã xây dựng bằng bê tông trên diện tích đất của chị Tường Thị Q có chiều dài là 9.05m.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh Đàm V, chị Đặng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh V, chị L 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001277 ngày 05/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương